

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 01 năm 2018
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành
2. Bà Đặng Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Phương Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2017/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị PTTT, sinh năm 1996, có mặt.

Nơi cư trú: TDP HL, thị trấn HS, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc

2. *Bị đơn:* Anh TVK, sinh năm 1993, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn PX, xã LS, huyện N, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 23 tháng 10 năm 2017 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị PTTT trình bày:

Chị và anh TVK kết hôn với nhau ngày 08 tháng 3 năm 2017, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã LS, huyện LT. Tổ chức kết hôn xong chị và anh K về chung sống

trên nhà và đất của bố mẹ để chị cho mượn. Quá trình chung sống được khoảng 02 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh K chơi bời cờ bạc, về nhà đánh đập chị. Từ tháng 05 năm 2017 chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng cắt đứt mọi liên hệ từ đó đến nay, anh K cũng không xuống để đón chị hay có động tác gì để hòa giải giữa hai vợ chồng. Chị xác định tình cảm với anh K không còn, chị xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là TNCV, sinh ngày 22/11/2017. Hiện nay cháu đang sống cùng chị T. Ly hôn chị T xin nuôi con và không yêu cầu anh K phải đóng góp nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh TVK quá trình giải quyết vụ án luôn vắng mặt, không có mặt để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải tại Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh K thì hiện nay anh vẫn có mặt tại thôn PX, xã LS. Việc Tòa án giải quyết ly hôn có gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải...cho anh K, gia đình anh K nhận được các loại giấy tờ của Tòa án nhưng anh K cố tình không đến, mục đích là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt, niêm yết các giấy tờ, văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh K.

Về án phí: Các bên đề nghị giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn là chị T đã tuân thủ, đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn là anh K chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị giải quyết cho chị T và anh K được ly hôn; về con chung: giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung, anh K không phải đóng góp nuôi con; các vấn đề về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị PTTT và anh TVK là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian ngắn chung sống cùng nhau nhưng không hòa thuận hạnh phúc. Chị T xác định vợ chồng luôn bất hòa mâu thuẫn với nhau, anh K hay giải

quyết mâu thuẫn vợ chồng bằng bạo lực, rất nhiều lần hành hung đánh đập chị, gây rất nhiều tổn thương cho chị.

Qua xác minh tại địa phương xã LS, làm việc với mẹ đẻ anh K là bà HTH thì: Vợ chồng anh K và chị T mâu thuẫn với nhau trầm trọng, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, hiện nay đã sống ly thân. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, không yêu thương, chia sẻ với nhau mà thường xuyên giải quyết mâu thuẫn bằng cãi vã, đánh nhau.

Anh K hiện nay có mặt tại địa phương nhưng nhiều lần có tình trốn tránh không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án, cũng không có các tác động để dàn xếp hôn nhân, điều đó có thể xác định anh không có thiện chí để vợ chồng về đoàn tụ với nhau.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, có hành vi bạo lực gia đình, và làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh K để giải phóng cho các bên đương sự.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu TNCV, sinh ngày 22/11/2017, hiện nay cháu đang sống cùng chị T. Xét cháu V hiện nay còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, do vậy ly hôn cần giao cho chị T nuôi con và cũng chấp nhận sự tự nguyện của chị về việc không yêu cầu anh K phải đóng góp nuôi con chung cùng chị.

3. Về phân chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị PTTT và anh TVK.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu V, sinh ngày 22/11/2017. Anh K không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị T. Sau khi ly hôn, anh K có quyền thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chi PTTT phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0001311 ngày 24/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện N.
- THADS huyện N.
- UBND xã LS
- Các đ-ơng sự
- L- u hai bản.

Đỗ Thành Công